

Bản án số: 12 /2022/HS-PT

Ngày: 17 - 02 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Sỹ

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Bá Lưu và ông Trần Đức Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 78/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Phan Công T, do có kháng cáo của bị cáo T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2021/HSST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

**- Bị cáo bị kháng nghị và có kháng cáo:**

**Phan Công T**, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1990, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi thường trú: Thôn L, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; trình độ văn hóa: lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; con ông Phan Hồng N, sinh năm 1949 và bà Đinh Thị B, sinh năm 1957; có vợ Đinh Thị Kim C, sinh năm 1994 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình - Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

Trong vụ án còn có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị cáo nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Vào khoảng cuối tháng 2, đầu tháng 3 năm 2021, Phan

Công T bàn với vợ là Đinh Thị Kim C về việc thuê người chặt phá rừng tại khu vực “Hung Tún” và “Hung Sót” để lấy đất trồng cây keo. Chị C hỏi Tuấn có được phép chặt, phát không thì T nói dối rằng Tuấn đã đi xin và được Ủy ban nhân dân xã H cho phép chặt phát. T liên hệ thuê Đinh Hồng Q, Đinh Thanh H và Đinh Thanh C để chặt, phát rừng. T dẫn những người được thuê đến chỉ vị trí, phạm vi khu vực cần chặt, phát và khẳng định đây là đất của mình được phép chặt phát để trồng cây. Sau khi thống nhất tiền công với giá 270.000 đồng/ngày/01 người thì H, Q, C mang theo máy cắt cỏ và dao đến “Hung Tún”, dựng lán để sinh hoạt và tiến hành cắt, phát các loại cây cỏ, cây dây leo và các loại cây gỗ nhỏ trong thời gian 4,5 ngày với tổng diện tích rừng đã chặt phát là 19.990m<sup>2</sup>. Hoàn thành công việc được giao, 03 người được T thanh toán số tiền 3.650.000 đồng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường 22/4/2021 xác định: Khu vực rừng mà T thuê người chặt phá thuộc khoảnh 2, khoảnh 3, tiểu khu 103A nằm trên địa giới hành chính xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Chức năng (theo Quy hoạch ba loại rừng): Rừng sản xuất; Chủ thể quản lý: Ủy ban nhân dân xã H, huyện M.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 10/KLĐG-HĐĐG ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện M, kết luận: Diện tích rừng bị phá 19.990 m<sup>2</sup>, trữ lượng gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII là: 49,743 m<sup>3</sup>, giá trị thiệt hại là 33.166.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Phan Công T còn khai nhận thêm: Khoảng cuối tháng 2 năm 2021, Tuấn đã thuê H và Q cắt, phát khu vực rừng “Hung Sót” để trồng cây keo cho gia đình. Tại bản kết luận giám định số 789 ngày 19/7/2021 của Chi cục kiểm lâm Sở NN và PTNT Quảng Bình kết luận: Khu vực xảy ra phá rừng thuộc khoảnh 3, tiểu khu 103A, xã H; về trạng thái: Toàn bộ diện tích 1.302 m<sup>2</sup> thuộc diện tích chưa có rừng; hiện trạng: đất trống có thực bì là cây bụi, cây gỗ rừng trồng rải rác và cây tái sinh nhưng không đạt tiêu chí thành rừng. Chức năng (theo Quy hoạch ba loại rừng): Đất quy hoạch sản xuất; trữ lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ: chưa có.

Về trách nhiệm dân sự: Ủy ban nhân dân xã H, huyện M yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do hành vi phá rừng trái pháp luật đã gây ra là 33.166.000 đồng. Ngày 13/9/2021, bị cáo T đã nộp tiền bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Cáo trạng số: 28/CT-VKSMH ngày 30/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố bị cáo Phan Công T về tội “hủy hoại rừng” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 32/2021/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tuyên bố bị cáo Phan Công T phạm tội “hủy hoại rừng”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phan Công T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Công T phải bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã H 33.166.000 đồng (đã tự nguyện bồi thường 5.000.000 đồng, còn lại 28.166.000 phải bồi thường tiếp).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền yêu cầu thi án dân sự, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03 tháng 10 năm 2021, bị cáo Phan Công T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số: 2103/QĐ-VKSQB, kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2021/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án sơ thẩm để xác định đúng tư cách tham gia tổ tụng của Ủy ban nhân dân xã H là bị hại trong vụ án; không áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Công T.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo Phan Công T xuất trình thêm hóa đơn nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa với số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho UBND xã H theo quyết định của Bản án sơ thẩm; 01 đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, 02 đứa con còn nhỏ, bố mẹ già yếu, bị cáo là lao động chính trong nhà, mẹ bị cáo bị khuyết tật nặng (có xác nhận của chính quyền địa phương). Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, trong trường hợp nếu không được hưởng án treo thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình. Đối với kháng cáo của bị cáo, do tại phiên tòa có thêm tình tiết giảm nhẹ mới (bị cáo tự nguyện nộp thêm 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại; có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn), do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Công T để giảm cho bị cáo một phần hình phạt từ 03 đến 04 tháng tù.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Công T phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận vào cuối tháng 2 và đầu tháng 3 năm 2021, mặc dù không được sự đồng ý của chính quyền địa phương nhưng Phan Công T đã thuê người chặt, phát 19.990 m<sup>2</sup> rừng sản xuất tại khoảnh 2, khoảnh 3, thuộc tiểu khu 103A, tại xã H, huyện M để trồng cây keo cho gia đình bị cáo. Ngoài ra Phan Công T còn thuê người chặt phát 1.302 m<sup>2</sup> đất thuộc diện tích chưa có rừng; đất trống có thực bì là cây bụi, cây gỗ rừng trồng rải rác và cây tái sinh nhưng không đạt tiêu chí thành rừng; chức năng (theo Quy hoạch ba loại rừng): đất quy hoạch sản xuất. Do đó Bản án sơ thẩm số: 32/2021/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa

tuyên bố bị cáo Phan Công T phạm tội “Hủy hoại rừng” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

[2.1] Trong vụ án này, bị cáo Phan Công T bị xét xử về tội “Hủy hoại rừng”. Xét về khách thể thì tội phạm này xâm phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, cụ thể là xâm phạm các quy định về bảo vệ rừng của Nhà nước.

Tại Điều 21 của Quy chế quản lý rừng sản xuất (Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ), quy định về trách nhiệm của các bộ ngành và địa phương như sau:

*1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ, phát triển và tổ chức sản xuất kinh doanh rừng sản xuất trong phạm vi cả nước, trên các lĩnh vực sau: a) Chỉ đạo lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ rừng, phát triển rừng và tổ chức sản xuất kinh doanh rừng; ...*

*5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý nhà nước về rừng sản xuất trên địa bàn cấp tỉnh về các lĩnh vực sau:*

*a) Tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, ...*

*b) Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, ....*

Hồ sơ vụ án thể hiện khu vực rừng mà bị cáo T thuê người chặt phát để trồng keo chưa được Nhà nước giao hoặc cho tổ chức nào thuê rừng. Như vậy, khu vực rừng này là chưa có “chủ rừng” (chủ rừng là tổ chức được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng). Do chưa có “chủ rừng” nên UBND xã H có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu vực rừng thuộc địa phận của xã H.

Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự quy định:

*1) Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra.*

*2) Bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền: ...;*

*g) Đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường”.*

Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự quy định:

*1) Nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại.*

*2) Nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền: ...;*

*g) đề nghị mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường”.*

Đối chiếu với các quy định trên, thấy rằng: Do khu vực rừng mà bị cáo T thuê người chặt phát chưa có “chủ rừng”, nên trong trường hợp nếu có thiệt hại về rừng thì người đã gây ra thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường cho nhà nước. Vì vậy, trong vụ án này nếu Ủy ban nhân dân xã H không đề nghị mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường hoặc không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại thì Tòa án (hoặc các cơ quan tổ chức có thẩm quyền khác) cũng phải xem xét để buộc

người đã gây ra thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước.

Do đó, việc Tòa án sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân xã H là “*Nguyên đơn dân sự*” và việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác định Ủy ban nhân dân xã H là “*Bị hại*” trong vụ án đều không đúng, mà trong trường hợp này cần xác định Ủy ban nhân dân xã H là “*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*”.

[2.2] Theo quy định tại điểm b, mục 5 Nghị quyết số: 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999 thì: “*Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen...*”. Vì vậy, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa nhận định do trong năm 2018 bị cáo T được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M tặng “*Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo*” nên đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Công T là không đúng.

Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Công T là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Công T:

[3.1] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Phan Công T: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và xử phạt bị cáo mức án 18 tháng tù là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T.

[3.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T xuất trình thêm tình tiết mới như việc bị cáo đã tự nguyện nộp thêm số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại; bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, 02 đứa con còn nhỏ, bố mẹ già yếu, bị cáo là lao động chính trong nhà, mẹ bị cáo bị khuyết tật nặng; theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì mẹ của bị cáo bị liệt chân, bố của bị cáo là người có công với cách mạng (được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì). Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên cần chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Do xác định Ủy ban nhân dân xã H không phải là bị hại, không phải là nguyên đơn dân sự trong vụ án, nên việc Tòa án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo T phải bồi thường tiền cho Ủy ban nhân dân xã H là không đúng, mà cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho Nhà nước mới đúng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị cáo Phan Công T kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào các điều 355, 356 và 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.*

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Công T; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân xã H là bị hại trong vụ án. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo và chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Công T.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2021/HS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa như sau:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự. ***Xử phạt bị cáo Phan Công T 12 (mười hai) tháng tù*** về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Phan Công T đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phan Công T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 33.166.000 đồng để bồi thường thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng gây ra. Bị cáo T đã nộp trước 10.000.000 đồng (*theo biên lai số: 0000389 ngày 13/9/2021 và biên lai số: 0000520 ngày 16/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa*), còn lại 23.166.000 đồng phải tiếp tục bồi thường.

2. Bị cáo Phan Công T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17/02/2022).

### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Phòng PV27-CAQB;
- Sở Tư pháp QB;
- Bị cáo Phan Công T;
- UBND xã H;
- Lưu Tòa HS, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Hữu Sỹ**